

**ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 1**  
**MÔN: TIẾNG ANH 8 ILEARN SMART WORLD**  
**BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM**

**HƯỚNG DẪN GIẢI**

**Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com**

1. True	2. False	3. True	4. False	5. True
6. D	7. A	8. C	9. D	10. B
11. B	12. C	13. B	14. D	15. C
16. D	17. announced	18. unusual	19. relaxing	20. noisy
21. active	22. F	23. F	24. T	25. NI
26. T				

27. playing table tennis to playing handball

28. about going shopping on Wednesday?

29. favorite leisure activity?

30. is less scary than rock-climbing / is not as scary as rock-climbing.

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

**1.**

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:** Jimmy làm việc cho một studio ở Los Angeles.

**Thông tin:** I'm a musician at a studio in the US. I live in a small apartment here in LA.

**Tạm dịch:** Tôi là nhạc sĩ tại một studio ở Mỹ. Tôi sống trong một căn hộ nhỏ ở đó tại LA.

**Đáp án:** True.

**2.**

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:** Anh ấy sống trong một ngôi nhà lớn ở thành phố.

**Thông tin:** I live in a small apartment here in LA.

**Tạm dịch:** Tôi sống trong một căn hộ nhỏ ở LA.

**Đáp án: False.**

**3.**

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:** Anh ấy thường chạy bộ cùng chú chó của mình trong công viên.

**Thông tin:** First, I often jog in the park near my house ... My dog Brownie goes with me too.

**Tạm dịch:** Đầu tiên, tôi thường chạy bộ ở công viên gần nhà ... Con chó Brownie của tôi cũng đi cùng tôi.

**Đáp án: True.**

**4.**

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:** Anh ấy bắt đầu và kết thúc công việc vào buổi chiều.

**Thông tin:** I leave home for work around 2:30 pm. ... I finish work at 10 pm.

**Tạm dịch:** Tôi rời nhà đi làm vào khoảng 2h30 chiều... Tôi kết thúc công việc lúc 10 giờ tối.

**Đáp án: False.**

**5.**

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:** Vào cuối tuần, Jimmy thích chơi bóng ném và bóng bàn.

**Thông tin:** I like playing table tennis and handball on the weekends.

**Tạm dịch:** Tôi thích chơi bóng bàn và bóng ném vào cuối tuần.

**Đáp án: True.**

**Bài nghe:**

Jane: Hello and welcome to Spark Free. I am Jane White. Our guest today is Jimmy Smith, who is phoning from California. Hi, Jimmy.

Jimmy: Good morning from Los Angeles. Jane. How are you?

Jane: I am great. Thank you. Today we are listening to Jimmy talking about his typical day.

Jimmy, you have two minutes to tell us about your typical day.

Jimmy: Okay. Well, my name is Jimmy Smith. I am 25 years old, and I'm a musician at a studio in the US. I play the guitar and the keyboard. I live in a small apartment here in LA. And on a typical day, I get up around 7:30 in the morning. First, I often jog in the park near my house for 45 minutes to start my day. My dog Brownie goes with me too. Then I go home,

shower and have breakfast at 9am. I hang out with some of my friends for a morning coffee and then go home to get Brownie his lunch. I leave home for work around 2:30 pm. I go to work by car. Everyone drives a car in LA. I finish work at 10pm, go home and go to bed at around 11:30 pm.

Jane: Do you play sports? And what sports do you like playing?

Jimmy: I like playing table tennis and handball on the weekends. But I prefer table tennis.

Jane: Fantastic. Thanks Jimmy.

### **Dịch bài nghe:**

*Jane: Xin chào và chào mừng bạn đến với Spark Free. Tôi là Jane White. Vị khách của chúng ta hôm nay là Jimmy Smith, người đang gọi điện từ California. Chào Jimmy.*

*Jimmy: Chào buổi sáng từ Los Angeles. Jane. Bạn có khỏe không?*

*Jane: Tôi tuyệt vời. Cảm ơn. Hôm nay chúng ta nghe Jimmy kể về một ngày điển hình của anh ấy. Jimmy, bạn có hai phút để kể cho chúng tôi nghe về một ngày điển hình của bạn.*

*Jimmy: Được rồi. À, tên tôi là Jimmy Smith. Tôi 25 tuổi, là nhạc sĩ tại một studio ở Mỹ. Tôi chơi guitar và keyboard. Tôi sống trong một căn hộ nhỏ ở LA. Và vào một ngày bình thường, tôi thức dậy vào khoảng 7h30 sáng. Đầu tiên, tôi thường chạy bộ ở công viên gần nhà trong 45 phút để bắt đầu ngày mới. Chú chó Brownie của tôi cũng đi cùng tôi. Sau đó tôi về nhà, tắm rửa và ăn sáng lúc 9 giờ sáng. Tôi đi uống cà phê buổi sáng với một số người bạn và sau đó về nhà lấy bữa trưa cho Brownie. Tôi rời nhà đi làm vào khoảng 2h30 chiều. Tôi đi làm bằng ô tô. Mọi người đều lái ô tô ở LA. Tôi kết thúc công việc lúc 10 giờ tối, về nhà và đi ngủ vào khoảng 11h30 tối.*

*Jane: Bạn có chơi thể thao không? Và bạn thích chơi môn thể thao nào?*

*Jimmy: Tôi thích chơi bóng bàn và bóng ném vào cuối tuần. Nhưng tôi thích bóng bàn hơn.*

*Jane: Tuyệt vời. Cảm ơn Jimmy.*

## **6.**

**Kiến thức:** Phát âm “s”.

**Giải thích:** Cách phát âm đuôi s, es:

- Đuôi s, es phát âm là /ɪz/ khi tận cùng là các âm /s/, /z/, /ʃ/, /ʒ/, /tʃ/, /dʒ/.
- Đuôi s, es phát âm là /s / khi tận cùng là các âm /p/, /f/, /t/, /k/, /θ/.
- Đuôi s, es phát âm là /z/ khi tận cùng là các âm còn lại.

- A. enjoys /ɪn'dʒɔɪz/
- B. designs /dɪ'zaɪnz/
- C. follows /'fɑ:ləʊz/
- D. likes /laɪks/

Các đáp án A, B, C đuôi -s phát âm là /z/; đáp án D đuôi -s phát âm là /s/.

**Đáp án D.**

7.

**Kiến thức:** Phát âm “t”

**Giải thích:**

- A. nature /'neɪ.tʃə/
- B. city /'sɪ.ti/
- C. sports /spɔ:rts/
- D. sometimes /'sʌm.taɪmz/

Các đáp án B, C, D âm “t” phát âm là /t/; đáp án A âm “t” phát âm là /tʃ/.

**Đáp án A.**

8.

**Kiến thức:** Trọng âm

**Giải thích:**

- A. hometown /'hoʊm.taʊn/
- B. schedule /'skedʒ.u:l/
- C. hotel /hoʊ'tel/
- D. mountain /'maʊn.tən/

Các đáp án A, B, D trọng âm rơi vào âm thứ 1; đáp án C trọng âm rơi vào âm thứ 2.

**Đáp án C.**

9.

**Kiến thức:** Trọng âm

**Giải thích:**

- A. chocolate /'tʃɑ:k.lət/
- B. hospital /'hɑ:spɪ.təl/
- C. vehicle /'vi:ə.kəl/
- D. performance /pə'fɔ:r.məns/

Các đáp án A, B, C trọng âm rơi vào âm thứ 1; đáp án D trọng âm rơi vào âm thứ 2.

**Đáp án D.**

10.

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A. rock climbing (n): leo núi

B. fishing (n): câu cá

C. cycling (n): đạp xe

D. jogging (n): chạy bộ

**Tạm dịch:** Anh trai tôi thích đi câu cá trên sông với ông tôi vào mỗi sáng chủ nhật.

**Đáp án B.**

11.

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A. class (n): lớp học

B. competition (n): cuộc thi

C. club (n): câu lạc bộ

D. meeting (n): cuộc họp

**Tạm dịch:** Hôm nay chị tôi có cuộc thi chạy. Cô ấy luyện tập rất nhiều vì muốn giành huy chương vàng.

**Đáp án B.**

12.

**Kiến thức:** Động từ chỉ sự thích/ghét

**Giải thích:** Cấu trúc “hate + V-ing”: ghét làm gì

A. playing video games: chơi trò chơi điện tử

B. knitting: đan

C. doing extreme sports: chơi thể thao mạo hiểm

D. chatting with friends: trò chuyện với bạn bè

**Tạm dịch:** Jane ghét chơi các môn thể thao mạo hiểm vì cô ấy thấy nó đáng sợ. Cô ấy thích cái gì đó thư giãn và dễ dàng.

**Đáp án C.**

13.

**Kiến thức:** Từ loại

**Giải thích:** Vị trí còn trống cần điền một tính từ đứng trước và bổ nghĩa cho danh từ “festival”.

A. tradition (n): truyền thống

B. traditional (adj): (thuộc) truyền thống

C. traditions (n): các truyền thống

D. traditionally (adv): theo truyền thống

**Tạm dịch:** Một trong những lễ hội truyền thống ở nông thôn là Tết Trung thu.

**Đáp án B.**

14.

**Kiến thức:** Cụm động từ

**Giải thích:** Vị trí còn trống cần điền một giới từ để hoàn thành cụm “keep sb away from V-ing/sth”: giữ ai đó tránh xa khỏi cái gì/làm gì.

**Tạm dịch:** Một số cha mẹ cố gắng không cho con mình sử dụng điện thoại di động.

**Đáp án D.**

15.

**Kiến thức:** Thì hiện tại đơn

**Giải thích:** Dấu hiệu: câu có trạng từ chỉ tần suất “usually” đứng trước động từ. Chủ ngữ là danh từ số nhiều “my dad and I” => động từ giữ ở dạng nguyên mẫu.

**Tạm dịch:** Bố tôi và tôi thường đi bơi ở hồ bơi gần nhà vào cuối tuần.

**Đáp án C.**

16.

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A. noise (n): tiếng ồn

B. pollution (n): ô nhiễm

C. water (n): nước

D. entertainment (n): trò giải trí



**Tạm dịch:** Ở nông thôn không có nhiều trò giải trí. Mọi người thường tận hưởng không khí trong lành ở đây.

**Đáp án D.**

17.

**Kiến thức:** Thì quá khứ đơn

**Giải thích:** Dấu hiệu: câu có trạng từ “yesterday”: ngày hôm qua => câu ở thì quá khứ đơn.

Vị trí còn trống cần điền một động từ quá khứ đơn.

**Tạm dịch:** Họ đã thông báo thời gian và địa điểm của buổi vũ hội ở trường chúng ta ngày hôm qua.

**Đáp án: announced.**

18.

**Kiến thức:** Trạng từ chỉ tần suất; từ vựng

**Giải thích:** Vị trí còn trống cần điền một tính từ mang nghĩa “không thường xuyên/bất thường”.

**Tạm dịch:** Tôi nghĩ không cần thiết phải mang theo áo mưa và ô. Thời tiết mưa vào thời điểm này trong năm là rất bất thường.

**Đáp án: unusual.**

19.

**Kiến thức:** Từ loại

**Giải thích:** Vị trí còn trống cần điền một tính từ đuôi -ing bổ nghĩa cho danh từ “music” phía sau.

**Tạm dịch:** Sau một ngày dài làm việc, tôi chỉ muốn nằm dài trên ghế và nghe một vài bản nhạc thư giãn.

**Đáp án: relaxing.**

20.

**Kiến thức:** Từ loại

**Giải thích:** Vị trí còn trống cần điền một tính từ bổ nghĩa cho danh từ “dogs” phía sau.

**Tạm dịch:** Những chú chó ồn ào thường đánh thức cả khu phố vào ban đêm.

**Đáp án: noisy.**

21.

**Kiến thức:** Từ loại

**Giải thích:** Vị trí còn trống cần điền một tính từ bổ nghĩa cho danh từ “person” phía sau.

**Tạm dịch:** Linh không phải là người năng động. Cô thích dành thời gian một mình để lướt Internet hoặc đọc sách khi có thời gian rảnh.

**Đáp án:** active.

22.

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:** Trước đây, đan len rất phổ biến trong giới thanh thiếu niên và thanh niên.

**Thông tin:** In the past, knitting was only popular with the old and many people considered it a boring activity.

**Tạm dịch:** Trước đây, đan len chỉ phổ biến với người già và nhiều người coi đây là một hoạt động nhàm chán.

**Đáp án:** F.

23.

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:** Đan lát là một trong những nguyên nhân gây mất trí nhớ.

**Thông tin:** Many studies have found that knitting can lower the risks of blood pressure and dementia, a sickness when people gradually lose the ability to remember, think and behave normally.

**Tạm dịch:** Nhiều nghiên cứu đã phát hiện ra rằng đan lát có thể giúp giảm nguy cơ huyết áp và chứng mất trí, một căn bệnh khi con người dần mất khả năng ghi nhớ, suy nghĩ và cư xử bình thường.

**Đáp án:** F.

24.

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:** Đan lát giúp giảm tr ần cảm và tăng hạnh phúc.

**Thông tin:** It also helps people stay calm and relaxed, which brings less depression and greater happiness.

**Tạm dịch:** Nó cũng giúp mọi người giữ bình tĩnh và thư giãn, mang lại ít tr ần cảm và nhiều hạnh phúc hơn.



**Đáp án: T.**

**25.**

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:** Nhiều người trẻ đan len hơn người già trong thời gian phong tỏa vì đại dịch COVID-19.

**Thông tin:** Không có thông tin.

**Đáp án: NI.**

**26.**

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:** Các tổ chức từ thiện và bệnh viện là nơi người dân có thể quyên góp những món đồ dệt kim của mình.

**Thông tin:** Some people said that they preferred knitting because they could donate their products to charity organizations and hospitals.

**Tạm dịch:** Một số người nói rằng họ thích đan lát hơn vì họ có thể quyên góp sản phẩm của mình cho các tổ chức từ thiện và bệnh viện.

**Đáp án: T.**

**Dịch bài đọc:**

Trước đây, đan lát chỉ phổ biến với người già và nhiều người coi đây là một hoạt động nhàn chán. Ngày nay, nghề đan lát đã trở thành thú vui thời thượng của thanh thiếu niên và thanh niên, đồng thời đồ dệt kim đã trở thành sản phẩm thời trang. Bên cạnh đó, đan lát còn mang lại rất nhiều lợi ích cho sức khỏe của chúng ta cả về thể chất lẫn tinh thần.

Nhiều nghiên cứu đã phát hiện ra rằng đan lát có thể giúp giảm căng thẳng và cô đơn, giảm nguy cơ huyết áp và chứng mất trí, một căn bệnh khi con người dần mất khả năng ghi nhớ, suy nghĩ và cư xử bình thường. Khi làm một việc gì đó bằng đôi tay, chúng ta có thể tập trung vào hiện tại và quên đi những lo toan thường ngày. Nó cũng giúp mọi người giữ bình tĩnh và thư giãn, mang lại ít trăn trở hơn và hạnh phúc hơn. Không có gì ngạc nhiên khi trong đại dịch COVID-19, khi mọi người phải ở nhà trong nhiều tháng, rất nhiều bạn trẻ bắt đầu thử đan lát và sau đó quyết định xem nó như một sở thích mới. Một số người nói rằng họ thích đan lát hơn vì họ có thể quyên góp sản phẩm của mình cho các tổ chức từ thiện và bệnh viện.

Họ thích hành động làm ra mọi thứ và chia sẻ cho người khác. Điều đó khiến họ cảm thấy hạnh phúc và tự hào về bản thân.

27.

**Kiến thức:** Cấu trúc tương đương

**Giải thích:** Cấu trúc “like V-ing/N more than V-ing/N” = “prefer V-ing/N to V-ing/N”: thích cái gì hơn cái gì.

**Tạm dịch:** Tôi thích chơi bóng bàn hơn chơi bóng ném.

**Đáp án:** playing table tennis to playing handball.

28.

**Kiến thức:** Cấu trúc tương đương

**Giải thích:** Cấu trúc “let’s + V-inf” = “how about +V-ing?”

**Tạm dịch:** Bạn có muốn đi mua sắm vào thứ Tư?

**Đáp án:** about going shopping on Wednesday?

29.

**Kiến thức:** Cấu trúc tương đương

**Giải thích:** “most enjoy doing in your free time” = “favorite leisure activity”

**Tạm dịch:** Hoạt động trong thời gian rảnh yêu thích của bạn là gì?

**Đáp án:** favorite leisure activity?

30.

**Kiến thức:** Cấu trúc tương đương; câu so sánh hơn/kém

**Giải thích:** Sử dụng cấu trúc “S + V + not as/so + Adj + as + than + N” hoặc “S + V + Less + Adj + than + N” trong câu so sánh kém.

**Tạm dịch:** Theo tôi, trượt patin ít đáng sợ hơn leo núi.

**Đáp án:** is less scary than rock-climbing / is not as scary as rock-climbing.